

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-PT
Ngày: 21-4-2022
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán:

Ông Phan Thanh Tùng;

Ông Nguyễn Văn Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2021/TLPT- DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 24-01-2022 của Tòa án nhân dân thành phố T bị cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1971; nơi cư trú: khu phố 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số 73 đường Đ, khu phố 4, phường 2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V; sinh năm 1960; nơi cư trú: Số 8B, hẻm số 31, đường Đ, Khu phố 1, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Văn T - Luật sư Công ty luật TNHH MTV Bảo Minh Lý - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Anh T1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Số 8, hẻm 14, đường Đ, khu phố 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, ủy quyền cho chị bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960; nơi cư trú: số 73 đường Đ, khu phố 4, Phường 2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 05/01/2022), có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích L - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà L và ông V đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/4/2003. Trước khi kết hôn, ông V có vợ và hai người con. Bà L có chồng và một con gái đã ly hôn. Bà L ông V chung sống có một con chung tên là Nguyễn Anh T2. Bà L xác định trước năm 2003, bà L với ông V chỉ có quan hệ tình cảm, chưa chung sống, đến năm 2003 bà L và ông V đăng ký kết hôn thì bà L ông V mới sống chung với nhau tại phần nhà đất của bà L địa chỉ: 7A/31 khu phố 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi bà L ông V thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7 thì vợ chồng vẫn sống chung tại căn nhà trên.

Trước khi chung sống với ông V, bà L có tài sản riêng là nhà đất trên. Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Thị V2 bán cho cụ Hà Thị C, sinh năm 1916 có lập “Tờ bán đứt đất” ngày 09-02-1961. Ngày 02-01-1988 cụ Hà Thị C làm “Giấy chia đất cho con” là Trần Thị Đ, sinh năm 1955 và Nguyễn Văn Th. Ngày 31-12-1998 bà Đ chuyển nhượng cho bà L diện tích 240m². Bà L kê khai đăng ký được UBND tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-6-2000 số vào sổ cấp GCN: 00863 phần đất diện tích 240m² thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 53 tại khu phố 1, phường 1, thị xã, tỉnh Tây Ninh. Năm 2002, bà L xin phép xây dựng nhà. Sau khi xây nhà xong, bà L được cấp giấy quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 25-12-2002.

Quá trình chung sống bà L có nợ bà Đặng Thị N đã được Tòa án tỉnh Tây Ninh giải quyết theo bản án số 199/DSĐT ngày 02-5-2012, buộc bà L trả cho bà Na số tiền 232.733.300 đồng và tiền lãi chậm thi hành án và chịu 11.836.665 đồng tiền án phí.

Nhằm mục đích trốn tránh việc thi hành án, bà L và ông V xin thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mà không gửi đơn tại Tòa án nhân dân thành phố T là nơi bà L ông V sinh sống và khai phần nhà đất trên là tài sản chung của vợ chồng và bà L tự nguyện giao cho ông V được toàn quyền sở hữu để chi cục thi hành án thành phố T không phát mãi kê biên được. Ngày 13-3-2012 Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố T ban hành Quyết định số 47/2012/QĐST-HNGĐ ngày 13-3-2012 công nhận thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ông V căn cứ theo Quyết định số 47/2012/QĐST-HNGĐ ngày 13-3-2012 công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, ông V đã làm thủ tục đăng ký toàn bộ nhà đất trên. Chi cục THADS thành phố T phát hiện đã có Công văn đề nghị kháng nghị Giám đốc thẩm đối với Quyết định số 47/2012/QĐST-HNGDD ngày 13-3-2012. Quyết định số: 32/2015/QĐHNGĐ-GĐT ngày 29-5-2015 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định số 47/2012/QĐST-HNGĐ ngày 13-3-2012 giao lại cho Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại. Ngày 28-8-2015 Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 567/2015/QĐST-HNGĐ đình chỉ giải quyết vụ án. Bà L xác định các giấy tờ khai tại Tòa án nhân dân Quận 7 là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Do ông V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L sợ bị kê biên nhà đất để đảm bảo thi hành án và sợ ông V chiếm đoạt nhà đất trên, nên bà L đồng ý ký văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng ngày 20-01-2020, nội dung bà L giao cho ông V số tiền 1.200.000.000 đồng với điều kiện ông V ra khỏi nhà và phải làm thủ tục sang tên nhà đất cho con trai là Nguyễn Anh T2 đứng tên. Văn bản thỏa thuận này do ông V soạn sẵn bà L đồng ý ký tên. Bà L đã giao đủ tiền cho ông V cùng ngày. Việc lập Hợp đồng thuê nhà đất và quyền sở hữu nhà ở ngày 21-01-2015 tại Văn phòng Công chứng Tr nhằm xác định tài sản là của ông V nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 17-02-2020, Chi cục thi hành án dân sự thành phố T có công văn số 104/CCTHADS đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh thành phố T làm thủ tục thu hồi và hủy giấy CN QSDĐ cấp cho ông V. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh thành phố T đã thực hiện việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong.

Đối với việc bà L vay ngân hàng số tiền 380.000.000 đồng nhằm mục đích vay là vợ chồng vay mua đất tại Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Do đó, bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T buộc ông Nguyễn Văn V hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích L với số tiền 1.200.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án - bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, ông và bà Nguyễn Thị Bích L chung sống từ năm 1995, có đăng ký kết hôn năm 2003. Năm 1998 vợ chồng ông sinh con tên Nguyễn Anh T2, nhưng làm giấy khai sinh của con năm sinh là 1999. Năm 2003 ông và bà L đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguồn gốc tài sản phần nhà đất tại địa chỉ: Số 7A/31 khu phố 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là do ông của ông Nguyễn Khắc H vào năm 1996. Khi ông H nhận chuyển nhượng của bà Đ chỉ viết giấy tay nên không làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được nên ông có nhờ bà Đ ký lại giấy bán đất để làm thủ tục cấp giấy. Đến năm 2000 ông là người trực tiếp xây dựng nhà trên đất.

Quá trình chung sống, năm 2012 bà L gây nợ nên ông khởi kiện xin ly hôn với bà Liên tại Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 23-3-2012 ông và bà L lập văn bản thỏa thuận chia tài sản với nội dung bà L giao phần tài sản trên cho ông V toàn quyền định đoạt, ông V giao cho bà L số tiền 290.000.000 đồng nên ông ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh theo văn bản số 164/CNTNI.KH ngày 02-3-2012 số tiền 365.000.000 đồng.

Ngày 13-3-2012, Tòa án nhân dân Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 47/2012/QĐST-HNGĐ ngày 13-3-2012 công nhận thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sau đó, Chi cục THADS thành phố T có Công văn kháng nghị Giám đốc thẩm đối với Quyết định số 47/2012/QĐST-HNGDD ngày 13-3-2012. Quyết định số 32/2015/QĐHNGĐ-GĐT ngày 29-5-2015 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định số 47/2012/QĐST-HNGĐ ngày 13-3-2012 giao lại cho Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại. Ngày 28-8-2015 Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 567/2015/QĐST-HNGĐ đình chỉ giải quyết vụ án về tài sản chung trong vụ án ly hôn, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Để bảo vệ quyền và nghĩa vụ của ông đối với tài sản trên giữa ông với bà L có lập Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại Văn phòng Công chứng Tr ngày 21-01-2015.

Tính đến thời điểm hiện nay ông chưa nhận được quyết định nào thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên. Đến khi con ông khởi kiện thì ông mới biết bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần nhà đất trên.

Do đó, ông không đồng ý trả cho bà L số tiền 1.200.000.000 đồng. Ông rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 002960, số vào sổ cấp GCN: CS 09451 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị Bích L đứng tên ngày 17-3-2020.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh T1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L2 tham gia tố tụng trình bày:

Năm 20212, anh Nguyễn Anh T1 (là con ruột của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Bích L) anh cùng với ông Nguyễn Văn V đến Văn phòng Công chứng Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không thực hiện được, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn V đứng tên đã bị thu hồi, nên hợp đồng chuyển nhượng không thực hiện được, nên được xem là vô hiệu. Anh Nguyễn Anh T1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L, yêu cầu ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà L số tiền 1.200.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự số 06/2022/DS-ST ngày 24-01-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Tây Ninh tuyên xử.

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L đối với ông Nguyễn Văn V phải trả lại cho bà 1.200.000.000 đồng

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/01/2022, bà Nguyễn Thị Bích L có đơn kháng cáo yêu cầu tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Nguyễn Văn Vui trả cho bà 1.200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ông V cho rằng chung sống với bà L năm 1996 là không có căn cứ. Năm 1996, là Liên có chồng sống ở Đài Loan. Tài sản nhà đất là của bà L có trước khi chung sống với ông V, nên không thể nói là tài sản chung của bà L và ông V. Năm 2000, ông V mới ly hôn với vợ trước của ông V. Năm 2003 ông V đăng ký kết hôn với bà L. Việc thỏa thuận nhà và đất là tài

sản chung của bà L và ông là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án cho bà Na. Nhưng sự thỏa thuận đó bị Tòa án nhân dân tối cao hủy. Bà L ký hợp đồng thuê nhà đất ông V cũng nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Bà L là người trực tiếp quản lý nhà đất. Hợp đồng thỏa thuận chia tài sản ngày 20-01-2020 giữa ông V với bà L là không đúng vì tài sản này của bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L. Buộc ông V trả cho bà L 1.200.000.000 đồng mà ông V đã nhận của bà L.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Tài sản nhà và đất này là tài sản chung của ông V với bà L theo quy định của pháp luật và Luật Hôn nhân và gia đình. Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 47/2012/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị hủy không xác định là tài sản riêng của bà L. Hợp đồng thỏa thuận ngày 20-01-2020 không thực hiện được không phải lỗi của ông V. Tài sản này là tài sản chung của ông V với bà L. Vì ông V và bà L chung sống với nhau từ năm 1996 và có 01 con chung. Trong việc mua bán và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tên bà L nhưng ông V cũng có công sức đóng góp, tôn tạo. Về nợ chung ở Ngân hàng khi ly hôn giao cho ông V tài sản ông V trả nợ Ngân hàng.

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình, vợ chồng đã thỏa thuận tài sản chung thì đó là tài sản chung.

Sau khi có quyết định ly hôn thì ông V làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015 bà L ký hợp đồng thuê nhà của ông V. Năm 2015, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 47/2012/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị hủy. Bà L không có lời trình bày nào mà có văn bản xác định tài sản chung; ý chỉ của bà L xác định đây là tài sản chung giữa bà và ông V; tài sản nhà và đất này hơn 2.400.000.000 đồng nhưng vì con nên ông chấp nhận. Bản án Giám đốc thẩm không xác định tài sản này là tài sản riêng của bà L. Sau khi thống nhất thỏa thuận ông V nhận 1.200.000.000 đồng, ông V đã hoàn tất thủ tục của mình. Khi bà L nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V thì bà L giao lai cho Chi cục thi hành án. Việc đòi lại tài sản của bà L là vô lý. Lỗi không chuyển quyền sử dụng đất cho anh Tuấn là do lỗi của bà L, không phải lỗi của ông V, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] *Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L thấy rằng:*

[1.1] Ông V cho rằng nguồn gốc tài sản phần nhà đất tọa lạc tại Số 7A/31 khu phố 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là do ông mua của ông Nguyễn Khắc H vào năm 1996. Khi ông H nhận chuyển nhượng của bà Đ chỉ viết giấy tay nên không làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được nên ông có nhờ bà Đ ký lại giấy bán đất để làm thủ tục cấp giấy. Đến năm 2000, ông là người trực tiếp xây dựng nhà trên đất. Nhưng ông V không xuất trình được chứng cứ để chứng minh diện tích đất trên của ông V nhận chuyển nhượng từ ông H và nhà trên đất ông V xây dựng.

[1.2] Bà L cho rằng trước khi chung sống với ông V, bà L có tài sản riêng là nhà, đất. Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Thị V2 bán cho cụ Hà Thị C, sinh năm 1916 có lập “Tờ bán đứt đất” ngày 09-02-1961. Ngày 02-01-1988 cụ Hà Thị C làm “Giấy chia đất cho con” là Trần Thị Đ, sinh năm 1955 và Nguyễn Văn Th. Ngày 31-12-1998, bà Đ chuyển nhượng cho bà L diện tích 240m². Giấy chuyển nhượng đất từ bà Đ cho bà L được Ủy ban nhân dân phường 1 xác nhận (BL 168). Bà L kê khai đăng ký được UBND tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-6-2000, sổ vào sổ cấp GCN 00863 phần đất diện tích 240m² thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 53 tại khu phố 1, phường 1, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Năm 2002, bà L xin phép xây dựng nhà. Sau khi xây nhà xong, bà L được cấp giấy quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 25-12-2002. Đến năm 2003, bà L và ông V mới đăng ký kết hôn(BL107) do đó, nhà và đất này là tài sản riêng của bà L.

[1.3] Tại Bản án số 140/2011/DS-ST của Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh và Bản án dân sự số 199/2012/DS-PT ngày 02/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh buộc bà Nguyễn Thị Bích L trả cho bà Đặng Thị N số tiền 232.733.300 đồng

cộng với lãi suất chậm thi hành án và chịu 11.836.665 đồng tiền án phí. Để trốn tránh nghĩa vụ Thi hành án, bà L và ông V đến Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu thuận tình ly hôn khai căn nhà và đất tại 74/31, khu phố 1, phường 1, Thành phố T là tài sản chung của bà và ông V và bà tự nguyện giao cho ông V được toàn quyền sở hữu nhà và sử dụng đất của bà L.

Ngày 13/3/2012, Tòa án nhân dân quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 47/2012/QĐST-HNGĐ. Về phần tài sản chung công nhận sự thỏa thuận về tài sản chung; Giao cho ông V căn nhà trên diện tích 240 m² đất thuộc thửa 43, tờ bản đồ 53, tọa lạc tại khu phố 1, phường 1, thành phố T. Ngày 21/11/2014, Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 460/2014/KN-HNGĐ đã kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định số 47/2012/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh về phần tài sản.

Ngày 21/01/2015, bà L và ông V có ký Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở thể hiện nội dung: Bà L thuê nhà và diện tích 240m², để nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với số tiền Tòa án sơ thẩm, phúc thẩm buộc trả cho bà Đặng Thị N.

Ngày 29/5/2015, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quyết định giám đốc thẩm số: 32/2015/GĐ - HNGĐ đã hủy quyết định số 47/2012/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh do do bà L tự nguyện giao cho ông V được quyền sở hữu căn nhà và sử dụng đất là cố tình trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với bản án số 140/2011/DS-ST của Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh và Bản án số 199/2012/DSPT ngày 02/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[1.4] Ngày 02/7/2015, bà viết lại đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện đề nộp cho Tòa án Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh nội dung đơn bà đồng ý giao nhà và đất của bà cho ông V nên Tòa án nhân dân Quận 7 Thành Phố Hồ Chí Minh không giải quyết. Ngày 08/7/2015, bà L có đơn xin rút đơn khởi kiện. Ngày 28/8/2015, Tòa án nhân dân Quận 7 ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

[1.5] Ngày 20/01/2020, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Bích L có làm hợp đồng thỏa thuận chia tài sản (không có công chứng, chứng thực) thể hiện nội dung: quá trình chung sống ông bà có tài sản chung là căn nhà số 08 hẻm 14, khu phố 1, phường 1, thành phố T cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 25/4/2012 cho ông Nguyễn Văn V diện tích 240m² thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 71 thỏa thuận giá trị 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Ông V, bà L thỏa thuận sau khi ông

V làm hợp đồng chuyển nhượng căn nhà cho con là anh Nguyễn Anh T1 thì bà L có nghĩa vụ giao cho ông V số tiền 1.200.000.000 đồng.

Xét thấy, hợp đồng thỏa thuận chia tài sản ngày 20/01/2020, giữa ông Nguyễn Văn V với bà Nguyễn Thị Bích L là trái pháp luật. Do bà Nguyễn Thị Bích L đang có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đặng Thị N theo Bản án dân sự số 140/2011/DS-ST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh và Bản án dân sự số 199/ 2012/DS-PT ngày 02/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh” quyết định buộc bà Nguyễn Thị Bích L có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị N số tiền 232.733.300 đồng, nhưng tài sản là căn nhà số 08 hẻm 14, khu phố 1, phường 1, thành phố T và diện tích 240m² thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 71 bà L thỏa thuận cho con là anh Nguyễn Anh T1. Do đó, văn bản thỏa thuận này vô hiệu toàn bộ do vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015. Do giao dịch dân sự vô hiệu nên các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “Tài sản được nhập vào tài sản chung mà theo quy định của pháp luật, giao dịch liên quan đến tài sản đó phải tuân theo hình thức nhất định”. Theo đó, việc nhập nhà đất là tài sản riêng của bà L vào tài sản chung với ông V phải được công chứng, chứng thực mới có hiệu lực. Ông V thừa nhận đã nhận của bà L 1.200.000.000 đồng cho rằng tiền chia tài sản chung giữa ông với bà L là không có căn cứ. Bà L yêu cầu ông V trả 1.200.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[2] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L; không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn; không có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; sửa bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Bích L không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự. Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà L số tiền 24.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001452 ngày 26/4/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

[3.2] Ông Nguyễn Văn V thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị Bích L kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị Bích L không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L.
2. Sửa bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L đối với ông Nguyễn Văn V về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.
4. Buộc ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích L không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) theo biên lai thu số 0001452 ngày 26-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Ông Nguyễn Văn V được miễn án phí.

5. 2. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L2 không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000781 ngày 23/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP. T;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Chi cục THADS TP. T ;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ;.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Hồng Vân